

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *1266* /BXD-VLXD

Hà Nội, ngày *31* tháng 5 năm 2019

V/v báo cáo tình hình đầu tư,  
sản xuất, tiêu thụ vật liệu xây  
dựng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 được Chính phủ ban hành ngày 01/01/2019, Bộ Xây dựng đang triển khai xây dựng Chiến lược phát triển Vật liệu xây dựng ở Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

Để có dữ liệu cho việc xây dựng Chiến lược nêu trên, Bộ Xây dựng đề nghị Quý cơ quan báo cáo đánh giá toàn diện tình hình đầu tư, sản xuất và tiêu thụ vật liệu xây dựng tại địa phương (theo mẫu tại Phụ lục gửi kèm).

Văn bản đề nghị gửi về Bộ Xây dựng trước ngày 30/6/2019 theo địa chỉ: Số 37 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mọi thông tin trao đổi, đề nghị Quý cơ quan liên hệ: Ông *Lê Văn Kế* - Chuyên viên Vụ Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng. Điện thoại: 02439760542 máy lẻ 329. *Uy*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Sinh**

## **ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo tình hình đầu tư, sản xuất, tiêu thụ vật liệu xây dựng**  
(Kèm theo văn bản số 1266/BXD-VLXD ngày 31 /5/2019 của Bộ Xây dựng)

### **I. Khái quát tình hình đầu tư sản xuất và tiêu thụ vật liệu xây tại địa phương**

1. Vật liệu ốp lát
  - 1.1 Gạch gốm ốp lát
  - 1.2 Đá ốp lát tự nhiên
2. Sứ vệ sinh
3. Kính xây dựng
4. Vật liệu lợp
5. Đá xây dựng
6. Cát xây dựng
7. Vôi.
8. Bê tông
  - 8.1 Bê tông thương phẩm.
  - 8.2 Cấu kiện bê tông đúc sẵn

### **II. Đánh giá tình hình triển khai đầu tư theo Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tại địa phương**

### **III . Đề xuất, kiến nghị**

### **IV. Tổng hợp số liệu (Theo biểu mẫu đính kèm)**

**PHỤ LỤC**  
**BÁO CÁO CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG**  
*(Kèm theo công văn số 1266 /BXD-VLXD ngày 31/5/2019)*

STT	Chủng loại vật liệu	Số cơ sở (tính đến 31/12/2018)	Công suất						Ghi chú	
			Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		
				Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Thiết kế		Thực tế
<b>I</b>	<b>Vật liệu ốp lát</b>		Tr m <sup>2</sup>							
	1. Gạch gốm ốp lát		Tr m <sup>2</sup>							
	2. Đá ốp lát nhiên		Tr m <sup>2</sup>							
<b>II</b>	<b>Sứ vệ sinh</b>		Tr SP							
<b>III</b>	<b>Kính xây dựng</b>		Tr m <sup>2</sup>							
<b>IV</b>	<b>Vật liệu lợp</b>		Tr m <sup>2</sup>							
	1. Tấm lợp xi măng- sợi		Tr m <sup>2</sup>							
	2. Ngói đất sét nung.		Tr m <sup>2</sup>							
	3. Ngói xi măng- cát		Tr m <sup>2</sup>							
<b>V</b>	<b>Đá xây dựng</b>		Tr m <sup>3</sup>							
<b>VI</b>	<b>Cát xây dựng</b>		Tr m <sup>3</sup>							
<b>VII</b>	<b>Vôi công nghiệp</b>		Tr Tấn							
<b>VIII</b>	<b>Bê tông</b>									
	1. Bê tông thương phẩm		Tr m <sup>3</sup>							
	2. Bê tông cấu kiện		Tr m <sup>3</sup>							
			Tr SP							